

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 09 - 3 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đào và ông Trần Quốc Toàn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST- HS ngày 02 tháng 02 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với Bị cáo:

Họ và tên: KHÔNG THỊ L (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 03 tháng 9 năm 1976; tại huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKNKTT, chỗ ở hiện nay: khu Tr 2, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ học vấn: lớp 5/12 Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Không Văn H (đã chết) và bà: Bùi Thị B, sinh năm: 1953.

Chồng: Không Văn H, sinh năm 1973; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 1995, nhỏ sinh năm: 2005).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hà Văn H, sinh năm 2003 (vắng mặt);
Địa chỉ: khu L, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
+ Anh Hà Văn Q, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Địa chỉ: xóm Ch 2, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 15/12/2020, tại Km/135 - Quốc lộ 32 thuộc khu Đ, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ tổ công tác của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang Khổng Thị L đang có hành vi bán số lô 38 = 100 điểm và số lô 48 = 100 điểm (với giá tiền 24.000đ/1 điểm) cho anh Hà Văn H. Tổng số tiền H mua số lô của L là 4.800.000đ. Ngoài ra, cùng ngày 15/12/2020 L còn có hành vi bán số lô 93 = 20 điểm (với giá tiền 24.000đ/1 điểm) và số đề 00 = 20.000 đồng cho Hà Văn Q. Tổng số tiền Q mua số lô, số đề của L là 500.000đ.

Như vậy, ngày 15/12/2020 Khổng Thị L đã thực hiện hành vi bán số lô cho Hà Văn H với số tiền 4.800.000đ và số đề, số lô cho Hà Văn Q với số tiền 500.000đ. Tổng số tiền L bán số lô, số đề cho H và Q là 5.300.000đ.

Các bên thỏa thuận hình thức đánh bạc là mua, bán số lô, số đề và tỷ lệ được thua bằng tiền như sau: Người mua số lô, số đề lựa chọn các số bất kỳ từ 00 đến 99, kết quả so theo hai số cuối của giải đặc biệt (đối với số đề) hoặc so theo hai số cuối của tất cả các giải (đối với số lô) của kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó. Nếu người mua số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì được đề (với tỉ lệ mua 1.000 đồng người bán phải trả 70.000 đồng) không trùng thì mất số tiền đã mua; nếu người mua số lô trùng với hai số cuối của một trong tất cả các giải thì được lô (mỗi điểm lô người mua trả 24.000 đồng, được lô thì người bán phải trả 80.000 đồng), không trùng thì mất số tiền đã mua. Thời điểm các đối tượng bị phát hiện, chưa có kết quả trúng thưởng.

Tổ công tác Công an huyện T đã L biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ trên tay L: số tiền 4.800.000đ, 01 bút bi màu đen; thu giữ trên tay Hà Văn H 01 mảnh giấy (cấp lô) có ghi các con số 38 = 100 điểm, 48 = 100 điểm có chữ ký và viết tên của L. Đồng thời, L đã tự nguyện giao nộp số tiền 500.000đ đã bán số lô, số đề cho Q và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 105 có gắn sim số 0354209793. Q đã giao nộp 01 mảnh giấy (cấp lô, đề) có ghi các con số lô 93 = 20đ, đề 00 = 20 có chữ ký và viết tên của L. Quá trình khám xét nơi ở của L, tổ

công tác của Công an huyện T còn thu giữ: Tại ngăn kéo tủ gỗ để ti vi: 01 mảnh giấy loại tờ lịch có ghi các con số: 00-3; 10 – 200; 02 – 1; 20 – 1; 80 – 1; 40 – 1; dít 0 – 100; 3c 110 – 20; dưới đệm đầu giường phòng ngủ của L số tiền 2.120.000đ.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 25/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 04; Quyết định khởi tố bị can số: 06; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Khổng Thị L về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015).

Đối với Hà Văn H và Hà Văn Q, là hai đối tượng đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô ngày 15/12/2020 nhưng số tiền H sử dụng vào việc đánh bạc là 4.800.000đ và Q sử dụng vào đánh bạc là 500.000đ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Nên ngày 07/01/2021, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H và Q về hành vi đánh bạc.

Đối với số tiền 2.120.000đ, 01 mảnh giấy loại tờ lịch có ghi các con số: 00-3; 10 – 200; 02 – 1; 20 – 1; 80 – 1; 40 – 1; dít 0 – 100; 3c 110 – 20 thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của L và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 105 có gắn sim số 0354209793 mà L tự nguyện giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã xác minh, và xác định những đồ vật, tài liệu trên không liên quan đến hành vi đánh bạc của Khổng Thị L nên đã trả lại cho L để sở hữu.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSTS ngày 02/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Khổng Thị L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 của BLHS năm 2015. Xử phạt Bị cáo Khổng Thị L từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo L.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bị cáo Khổng Thị L theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 12/LCĐKNCT-TA ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 105, Khoản 1, Điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.300.000đ, do Bị cáo L phạm tội mà có;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bút bi màu đen (thu của L).

Xác nhận, ngày 20/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho Không Thị L các tài sản, tài liệu gồm: Số tiền 2.120.000đ; 01 mảnh giấy loại tờ lịch có ghi các con số: 00-3; 10 – 200; 02 – 1; 20 – 1; 80 – 1; 40 – 1; dít 0 – 100; 3c 110 – 20 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 105 màu đen đã qua sử dụng có gắn sim số 0354209793.

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 02 mảnh giấy bằng bìa cát tông có ghi các chữ và số viết tay bằng mực đen (bút lục số 03 và 11) - vật chứng hiện được lưu theo hồ sơ vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc Bị cáo Không Thị L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

4. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị cáo Không Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của Bị cáo thống nhất, phù hợp với vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Từ khoảng 16 giờ đến 16 giờ 40 phút ngày 15/12/2020, tại Km/135 Quốc lộ 32 thuộc khu Đ, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Không Thị L đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô cho Hà Văn H với số tiền 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và bán số lô, số đề cho Hà Văn Q với số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền mà L bán số lô, số đề cho H và Q là: 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Không Thị L thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015;

Tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân:* Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; Bị cáo và chồng có tài sản chung là nhà, đất tại khu Tr 2, xã Th.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có bố đẻ là ông Không

Văn H là người có công với Nước được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Do đó, Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ các nhận định trên, xét thấy: Bị cáo L có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên quyết định cho Bị cáo hình phạt tiền trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và cũng là mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

- *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nên không áp dụng là hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Đối với Hà Văn H và Hà Văn Q đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề của Khổng Thị L vào ngày 15/12/2020. Do số tiền H sử dụng vào việc đánh bạc là 4.800.000đ và Q sử dụng vào đánh bạc là 500.000đ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, các đối tượng chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Nên ngày 07/01/2021, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H và Q về hành vi đánh bạc là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 5.300.000đ, là tiền do Bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- 01 bút bi màu đen Bị cáo không yêu cầu được nhận lại và là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 2.120.000đ và 01 mảnh giấy loại tờ lịch có ghi các con số: 00-3; 10 – 200; 02 – 1; 20 – 1; 80 – 1; 40 – 1; dít 0 – 100; 3c 110 – 20 thu giữ trong quá trình khám xét nhà ở của Bị cáo và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 105 màu đen đã qua sử dụng có gắn sim số 0354209793 Bị cáo giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã xác minh, và xác định những đồ vật, tài liệu trên không liên quan đến hành vi đánh bạc của Khổng Thị L nên đã trả lại cho L để sở hữu là phù hợp cần xác nhận.

- 02 mảnh giấy bằng bìa cát tông có ghi các chữ và số viết tay bằng mực đen (hiện đang lưu hồ sơ được đánh bút lục số: 03 và 11) là vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của Bị cáo và tài liệu chứng cứ chứng minh cho tội phạm cần tịch thu, lưu hồ sơ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp, nên được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 của BLHS năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Khổng Thị L phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Xử phạt Bị cáo Khổng Thị L 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo L.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bị cáo Khổng Thị L theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 12 ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điều 105, khoản 1, điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.300.000đ (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), do Bị cáo L phạm tội mà có.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bút bi màu đen (thu của L).

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 05/2/2021.

Xác nhận, ngày 20/12/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho Khổng Thị L các tài sản, tài liệu gồm: Số tiền 2.120.000đ; 01 mảnh giấy loại tờ lịch có ghi các con số: 00-3; 10 – 200; 02 – 1; 20 – 1; 80 – 1; 40 – 1; dít 0 – 100; 3c 110 – 20 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 105 màu đen đã qua sử dụng có gắn sim số 0354209793.

Tịch thu, lưu hồ sơ vụ án: 02 mảnh giấy bằng bìa cát tông có ghi các chữ và số viết tay bằng mực đen (bút lục số 03 và 11) - vật chứng hiện được lưu theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Khổng Thị L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

